TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 329/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 13 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Trường T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 5, khu vực 1, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Chị Hà Thị V, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 5, khu vực 1, phường H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trường T và chị Hà Thị V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hương Long, thành phố Huế ngày 23/10/2015. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Anh Nguyễn Trường T, chị Hà Thị V xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Trường T và chị Hà Thị V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Trường T, chị Hà Thị V xác nhận có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ái N, sinh ngày 30/3/2017, hiện đang ở với chị V. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị Hà Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Trường T cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 07/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Ái N thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của anh, chị.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trường T, chị Hà Thị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T, chị Vmỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (03/7/2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trường T và chị Hà Thị V.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ái N, sinh ngày 30/3/2017 cho chị Hà Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Trường T cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 07/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Ái N thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Trường T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trường T, chị Hà Thị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Trường T, chị Hà Thị V mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh Nguyễn Trường T và chị Hà Thị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009962 ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND phường Hương Long;
(ĐKKH số: 73, ngày 23/10/2015);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HNGĐ;

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh